TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2025/HS-PT
Ngày 25-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Thẩm phán: Ông Phan Ngọc Minh;

Ông Nguyễn Văn Năm.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 21/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, bị hại Nguyễn Đình B, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Nhơn H, bà Nguyễn Thị Bé T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh ngày 01/01/1980 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 (chết) và con bà Trần Thị H1; Vợ: Nguyễn Thị Bé T1; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2022 đến ngày 12/7/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Năm 2003, bị Toà án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội "*Cố ý gây thương tích*", bị cáo đã chấp hành xong.

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thanh K, Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo và bị kháng cáo: Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Nhơn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966; có mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 2004; có mặt.

3. Ông Nguyễn Đình T3, sinh năm 1989; có mặt.

4. Ông Nguyễn Nam Q, sinh năm 1953; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1990; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

7. Ông Nguyễn Quốc B1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Bùi Thanh L2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1955; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị C1, sinh năm, sinh năm 1955; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đình T4, sinh năm 1964; có mặt.

4. Ông Nguyễn Đình T5, sinh năm 1969; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Ông Phạm S, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19/9/2021, bà Nguyễn Thị L cầm 01 cái bay cùng em gái là bà Nguyễn Thị Nhơn H đi ra phía sau nhà cha ruột là ông Nguyễn Nam Q tại thôn A, xã N, huyện T, để trồng rau. Cùng lúc này bà Nguyễn Thị Bé T1 (con gái của ông Q) đi ra phía ra nhà của ông Q để hái trái cây. Lúc này, bà T1 nhìn thấy bà Nguyễn Thị N1 đang ngồi tại hiên nhà bà Nguyễn Thị L1 thì giữa hai bên có lời qua tiếng lại với nhau. Sau đó, bà T1 bỏ đi vào nhà chơi đùa với các cháu nhỏ của bà T1. Khi đang ở trong nhà thì bà T1 nghe tiếng la ở phía trước nhà nên bà T1 ra xem thì thấy bà N1 và bà L đang giằng co, xô xát qua lại với nhau tại đường bê tông đi vào nhà ông Nguyễn Đình B, còn bà L1 thì chạy đến giật lấy cái bay bà L đang cầm trên tay. Thấy vậy, bà T1 chạy đến chụp lấy tay của bà L1 và giữ cái bay lại thì giữa bà T1 và bà L1 ôm vật, giằng co qua lại với nhau. Bà Nguyễn Thị C2 (mẹ ruột T1) thấy vậy chạy đến giật lấy cái bay rồi bỏ đi vào nhà mình, còn lại bà T1 và bà L1 vẫn tiếp tục giằng co qua lại với nhau cho đến khi ông Nguyễn Đình T4 đến can ngăn thì hai bà mới chịu thả nhau ra. Cùng lúc, ông Nguyễn Đình B quan sát thấy vợ mình là bà N1 bị bà L, ông Nguyễn Nam Q, Phạm S, Lê Văn T vây quanh, giằng co nên ông B về nhà lấy 01 cây côn nhị khúc bằng gỗ có chiều dài là 79 cm và cầm trên tay phải chạy ra vị trí bà N1 để giải vây. Khi ông B chạy đến ngã 3 giao nhau giữa bờ phía Bắc kênh Thạch Nham với đường bê tông đi vào nhà ông B thì bị Lê Văn T (chồng bà Bé T1) sử dụng cây xà beng, bằng kim loại, chiều dài 109 cm, đường kính lớn nhất là 03 cm, đường kính nhỏ nhất là 2,8 cm, khối lượng 2,25kg, phần lưỡi dẹp đánh 01 cái theo hướng từ dưới lên trúng vào vùng đầu bên phải của ông B gây thương tích. Sau khi bị T đánh trúng vào đầu, ông B ngã xuống đường bê tông và nằm ở phía Đông ngã 3 nêu trên. Ông Nguyễn Đình N, Nguyễn Thanh V (con ruột của ông B) nhìn thấy ông B bị đánh thì chạy đến vị trí đánh nhau để giải vây cho ông B. Ông Vĩnh nhặt 01 ống kim loại, màu đen có chiều dài 127 cm, đường kính 3 cm, phần đế của ông kim loại này được gắn cố định với 03 ống kim loại, màu đen, chiều dài mỗi ống kim loại là 55 cm, đường kính mỗi ống kim loại là 3,5 cm cầm theo trên tay. Khi chạy ra gần đến nơi, ông V ném ống kim loại có đặc điểm nêu trên về phía người nhà của ông Q nhưng không trúng vào ai. Lúc này, bị cáo T bỏ đi vào nhà ông Q, còn ông B được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T. Cùng ngày, ông B chuyển đến Bệnh viện Đ điều trị từ ngày 19/9/2021 đến ngày 25/9/2021.

Về thu giữ vật chứng vụ án, gồm:

- 01 (một) cái bay xây dựng có chiều dài là 33 cm, phần cán được làm bằng gỗ dài 16 cm, đường kính của cán gỗ là 03 cm, phần lưỡi được làm bằng kim loại dài 17 cm, rộng 09 cm.

- 01 (một) ống kim loại, màu đen có tổng chiều dài 127 cm, đường kính 3,5 cm, phần đế của ống kim loại được gắn cố định với 03 (ba) ống kim loại, màu đen, chiều dài mỗi ống là 55 cm, đường kính mỗi ống là 3,5 cm.

- 01 (một) thanh kim loại chữ V chiều dài là 73 cm, chiều rộng là 5,3 cm, mỗi cạnh chữ V dài 3,9 cm.

- 01 (một) cây côn nhị khúc bằng gỗ có chiều dài là 79 cm, cấu tạo của cây con nhị khúc gồm: 02 đoạn gỗ, chiều dài mỗi đoạn là 32 cm, đường kính lớn nhất của mỗi đoạn gỗ là 03 cm, đường kính nhỏ nhất của mỗi đoạn gỗ là 2,5 cm, 01 đoạn gỗ nêu trên được liên kết với nhau bằng một sợi dây dài 15 cm (không xác định chất liệu của sợi dây).

- 01 (một) cây xà beng bằng kim loại chiều dài là 109 cm, đường kính lớn nhất là 03 cm, đường kính nhỏ nhất là 2,8 cm, khối lượng 2,25kg, phần lưỡi dẹp.

Về kết luận giám định:

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 259/TgT ngày 16/10/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Q, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông Nguyễn Đình B, như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Nứt xương thái dương bên phải.

+ 01 sẹo vùng thái dương phải kích thước (4 x 1)cm.

Kết luận: Nứt xương thái dương bên phải 10% và 01 sẹo vùng thái dương phải: 01%; tổng cộng 11%.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **11%** (mười một phần trăm).

Ngày 09/02/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T có Công văn số: 27/CV-CQĐT gửi Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Q đề nghị trả lời cơ chế hình thành thương tích của ông Nguyễn Đình B.

Ngày 10/02/2022, Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Q có Công văn số: 23/TTPY trả lời như sau: Với tư thế và chiều hướng đánh mà ông Lê Văn T và ông Nguyễn Đình B khai nhận thì có thể hình thành nên thương tích 01 sẹo vùng thái dương phải kích thước (4 x 1) cm; Nứt thái dương phải lan lên nứt sọ thái dương cùng bên; Vết thương vùng đầu, bên phải của Nguyễn Đình B được hình thành theo hướng từ dưới lên trên.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 270/TgT ngày 10/11/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Q. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bà Nguyễn Thị L1, như sau:

+ Chấn động não điều trị ổn.

+ Tổn thương trên phù hợp vật tày gây thương tích.

- Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01% (một phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 275/TgT ngày 18/11/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Q. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bị cáo Lê Văn T, như sau:

+ Chấn thương không để lại dấu vết sẹo.

+ Các tổn thương ghi trong hồ sơ bệnh án phù hợp vật tày tác động.

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0.00% (không phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 281/TgT ngày 23/11/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Q. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bà Nguyễn Thị Nhơn H, như sau:

+ Gãy xương chính mũi.

+ Tổn thương trên phù hợp vật tày gây thương tích.

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **09%** (chín phần trăm).

Tại kết luận giám định lại tổn thương cơ thể trên người sống số: 2137/KL-KTHS ngày 11/10/2023 của V1 tại thành phố Đà Nẵng kết luân: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do gãy xương chính mũi của bà Nguyễn Thị Nhơn H tại thời điểm giám định lại là: **09%** (chín phần trăm).

Tại bản kết luận giám định số: 892/KL-KTHS ngày 25/9/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh Q kết luận:

- Dữ liệu bên trong đĩa CD-R được đánh thứ tự 01 có chứa đoạn vi deo có tên "clip số 01", dung lượng 54,669 Mb, thời lượng dài 04 phút 14 giây, bên trong đĩa CD-R được đánh số thứ tự 03 có chứa 01 đoạn vi deo có tên"clip số 03", dung lượng 61,878 Mb, thời lượng dài 04 phút 41 giây, cụ thể:

- Trích xuất được 13 hình ảnh đại diện từ đoạn video có tên "clip số 01" và 12 hình ảnh đại diện từ đoạn video có tên "clip số 03". Các hình ảnh trích xuất được đưa vào 01 bản ảnh.

- Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 đoạn video có tên "clip số 01" và "clip số 03".

- Sao chép 02 đoạn vi deo có tên "clip số 01" và "clip số 03"sang đĩa DCD.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 50, điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 106, Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 590, Điều 591 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: "*Cố ý gây thương tích*".

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2022 đến ngày 12/7/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn T có trách nhiệm tiếp tục bồi thường các khoản chi phí, viện phí, tiền thuốc, tiền thuê xe, tiền mất thu nhập thực tế, tiền bồi đắp tổn thất tinh thần, tiền công lao động của người chăm sóc cho ông Nguyễn Đình B, số tiền 7.593.226 đồng *(Bảy triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng)* (22.593.226 đồng – 15.000.000 đồng, khắc phục một phần tiền bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa theo Biên lai thu tiền số: 0001199 ngày 05/8/2022).

Ngoài ra, còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/6/2024, bị cáo Lê Văn T kháng cáo kêu oan, bị cáo không phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*, không đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Đình B, với lý do bị cáo phòng vệ chính đáng do bị ông Nguyễn Đình B dùng côn nhị khúc đánh vào mặt, đầu và bị nhiều người thân của ông B dùng hung khí đuổi đánh bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 17/6/2024, bị hại Nguyễn Đình B kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 05 đến 06 năm tù về tội "*Giết người*" và yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại do mất thu nhập ngày công không lao động được, tiền tổn thất tinh thần. Tại phiên tòa, bị hại B rút yêu cầu kháng cáo về tội danh "*Giết người*" đối với bị cáo T, giữ nguyên nội dung kháng cáo về phần hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 05 đến 06 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" và tăng tiền bồi thường thiệt hại do mất thu nhập ngày công không lao động được và tiền tổn thất tinh thần.

Ngày 17/6/2024, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 phải bồi thường về vật chất, tinh thần cho chồng của bà là ông Phạm Sang . Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.

Ngày 05/6/2024, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nhơn H kháng cáo yêu cầu xử lý hành vi ông Nguyễn Đình B gây thương tích 9% cho bà. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Nhơn H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 05/6/2024, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T1 kháng cáo yêu cầu xử lý hành vi của bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị L1 và những người nhà của ông Nguyễn Đình B gây ra cho gia đình bà. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bé T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án:

Về tội danh: Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Văn T thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Xét kháng cáo không đồng ý bồi thường của bị cáo Lê Văn T và kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường của bị hại Nguyễn Đình B, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông Nguyễn Đình B với số tiền 22.593.226 đồng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và kháng cáo của bị hại Nguyễn Đình B. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm 25/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi về phần tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Đối với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Nhơn H, bà Nguyễn Thị Bé T1 là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận.

- Luận cứ bào chữa của Luật sư Nguyễn Thanh K bào chữa cho bị cáo Lê Văn T:

Bị cáo thừa nhận có hành vi vung cây xà beng về phía bị hại, xuyên suốt quá trình điều tra bị cáo đều khai như vậy. Tuy nhiên, bị cáo không rõ hành vi vung cây xà beng của bị cáo có trúng bị hại ông Nguyễn Đình B hay không. Phía gia đình ông B có sự thông đồng trong quá trình khai báo tại Cơ quan điều tra, khi bị cáo T đánh vào đầu ông B thì máu phun ra nhiều nhưng tại hiện trường không có vết máu và trên quần áo hay cây xà beng đều không có vết máu. Do đó, cần điều tra làm rõ vết thương của ông B có phải do bị cáo T gây ra hay không.

Gia đình ông B và bà Nguyễn Thị Kim C đều thay đổi lời khai ban đầu, về sau thì các lời khai này đều giống nhau. Như lời khai ban đầu ông B, ông V, bà C đều khai nhìn thấy bị cáo T cầm cái bay đâm vào đầu ông B. Nếu bị cáo T cầm cây xà beng chủ động đánh ông B thì không có vết thương từ dưới lên theo kết luận giám định thể hiện.

Đối với thương tích của bị cáo T qua giám định là 0%, tại giai đoạn điều tra bị cáo T yêu cầu giám định lại nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra không chấp nhận là không phù hợp. Theo hồ sơ vụ án thì bị cáo T có rất nhiều vết thương, theo tham khảo tại Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y thì những vết thương này hoàn toàn có khả năng là thương tích của bị cáo T. Sau khi bị cáo T bị gia đình ông B đánh thì bị cáo T được đưa đi cấp cứu. Phía gia đình ông B cũng khai rằng, trong việc xô xát thì chỉ có 02 bên gia đình với nhau nên thương tích của bị cáo T chỉ có gia đình ông B gây ra. Do đó, cần điều tra làm rõ bị cáo T có chủ động đánh ông B hay bị cáo chỉ tự vệ trong quá trình gia đình ông B đánh bị cáo T.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo T tranh luận bổ sung: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình nhưng Đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo không thành khẩn khai báo là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với người bào chữa cho bị cáo:

Bị cáo Lê Văn T thừa nhận có cầm xà beng và tác động vào người ông Nguyễn Đình B, trong quá trình tác động thì hậu quả đã xảy ra và được chứng minh thông qua Kết luận giám định và lời khai của những người làm chứng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] ***Về tố tụng***: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Thanh L2, ông Nguyễn Quốc B1 và người làm chứng Nguyễn Thị Kim C, Lê Thị C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Xét thấy những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293, 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] ***Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Văn T***:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi có dùng cây xà beng đánh về phía ông Nguyễn Đình B. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng không phạm tội *"Cố ý gây thương tích",* vì bị cáo đánh về ông Nguyễn Đình B trong tình trạng do bị ông Nguyễn Đình B dùng côn nhị khúc đánh vào mặt, đầu và bị các con, cháu của ông B dùng hung khí đuổi đánh.

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại các Biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo Lê Văn T do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T lập các ngày: ngày 10 và ngày 15 /11/2021 (Bút lục số 104 – 107), ngày 16/02/2022 (Bút lục số 86 – 89), ngày 12/4/2022 (Bút lục số 94– 95), ngày 12/4/2022 (Bút lục số 94– 95), ngày 07/7/2022 (Bút lục số 568 – 569), ngày 11/7/2022 (Bút lục số 570 – 571), ngày 22/7/2022 (Bút lục số 102– 103), ngày 26/7/2022 (Bút lục số 572 – 573), các Bản tự khai do bị cáo Lê Văn T viết vào các ngày 15/11/2021, ngày 12/7/2022, ngày 15/11/2021 (Bút lục số 100 - 101), ngày 07/7/2022 (566 - 567), trong đó; bị cáo T đều thừa nhận hành vi dùng cây xà beng (cây xà beng này do bị cáo T tự giao nộp cho Công an huyện T vào ngày 21/9/2021 - Bút lục số 08) để đánh từ dưới lên trên vào vùng đầu của bị hại Nguyễn Đình B nhưng có trúng hay không thì không rõ. Ngoài bị cáo thì không có ai khác tham gia gây thương tích cho ông B.

Tại các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T lập và các Biên bản phúc cung do Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa lập, bị cáo đều khẳng định trong quá trình điều tra không bị ép cung, nhục hình hay mớm cung; không bị đe dọa, ép buộc phải khai và mỗi bản khai bị cáo đều ghi rõ "Tôi đã đọc lại lời khai và công nhận là đúng".

Lời khai của bị cáo Lê Văn T tại các bút lục nêu trên phù hợp với Kết luận giám định số: 259/TgT ngày 16/10/2021 và Công văn số: 23/TTPY ngày 10/02/2022 về giải thích kết luận giám định của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Q đối với thương tích và cơ chế hình thành vết thương của bị hại Nguyễn Đình B; phù hợp với vật chứng là cây xà beng có đặc điểm như vật chứng do bị cáo T tự nguyện giao nộp cho Công an huyện T vào ngày 21/9/2021 (Bút lục số 08) và các tài liệu, chứng cứ khác.

Hành vi của bị cáo Lê Văn T như khai nhận tại các bút lục nêu trên, xuất phát từ mâu thuẫn giữa hai bên gia đình ông Nguyễn Nam Q (cha vợ của bị cáo) và gia đình ông Nguyễn Đình B, nên bị cáo T đã dùng cây xà beng là hung khí nguy hiểm gây thương tích vào vùng đầu của ông Nguyễn Đình B với tỷ lệ tổn thương cơ thể 11% (mười một phần trăm) là có căn cứ và hành vi này của bị cáo không có căn cứ xác định là phòng vệ chính đáng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm đ (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Văn T.

[3] ***Xét về phần hình phạt đối với bị cáo:*** Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá hết tính chất, mức độ, nguyên nhân thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và chưa áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên xử phạt bị cáo 03 năm tù là chưa phù hợp. Mặc dù, bị cáo không kháng cáo về phần hình phạt nhưng để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét, đánh giá lại tình tiết giảm nhẹ và hình phạt cho bị cáo.

[3.1] ***Về tình tiết giảm nhẹ*****:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự nguyện nộp khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2] ***Về quyết định hình phạt đối với bị cáo***: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, mặc dù bị cáo chưa nhận thức được hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra nhưng bị cáo thành khẩn khai báo về diễn biến hành vi của bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng thêm cho bị cáo tại giai đoạn xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Đình B về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] ***Về trách nhiệm dân sự***: Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại thấy rằng, cần xem xét lại các khoản bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại.

Theo tài liệu, bảng kê kèm theo đơn kháng cáo, ông Nguyễn Đình B yêu cầu bị cáo T bồi thường các khoản chi phí, viện phí trong thời gian điều trị, tiền công lao động, tiền công lao động của người trực tiếp nuôi, bồi thường tổn thất tinh thần, tổng cộng 114.587.474 đồng.

Bị hại Nguyễn Đình B nhập viện từ ngày 19/9/2021, xuất viện ngày 25/9/2021 (07 ngày), tình trạng vào viện bị nứt xương thái dương nên cần phải có người chăm sóc trong thời gian điều trị tại Bệnh viện và các ngày đi tái khám vào ngày 01/10/2021, ngày 10/10/2021 và ngày 20/10/2021 là: 03 ngày; tổng cộng thời gian điều trị và tái khám là 10 ngày. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét thời gian phục hồi sức khỏe cho bị hại B nên cần xem xét lại về trách nhiệm dân sự đối với các khoản tiền ông B yêu cầu nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Sau khi xem xét các chứng từ có tại hồ sơ vụ án thì trong thời gian ông Nguyễn Đình B điều trị, tái khám tại Bệnh viện Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản tiền thiệt hại sức khỏe cho ông B, như sau:

- Các chứng từ tiền thuốc, tiền mua thiết bị y tế, các khoản chi phí khám và điều trị, số tiền 9.887.474 đồng;

- Tiền thu xe đi và về 06 chuyến xe x 100.000 đồng/chuyến, thành tiền 600.000 đồng.

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại Nguyễn Đình B tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tổng cộng 10 ngày, được xác định tính theo ngày lương tối thiểu vùng (Năm 2021, 3.540.000 đồng/tháng) tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tương ứng mỗi ngày lương tối thiểu vùng là 118.000đồng, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại là 118.000đồng/ngày x 10 ngày = 1.180.000đồng.

- Chi phí phục hồi sức khỏe: Bị hại ông B bị gây thương tích, tổn thương cơ thể 11% nên cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại B một khoản chi phí phục hồi sức khỏe là 5.000.000đồng.

- Tiền công lao động do bị mất thu nhập thực tế của người chăm sóc: 300.000 đồng/ngày x 07 ngày = 2.100.000 đồng.

- Tiền công lao động do bị mất thu nhập thực tế của người bị hại Nguyễn Đình B: 300.000 đồng/ngày x 45 ngày (trong đó: 30 ngày trong thời gian điều trị và tái khám tính từ 20/9/2021 đến 20/10/2021 và 15 ngày dưỡng sức khỏe sau khi điều trị), thành tiền 13.500.000 đồng.

- Tiền test C3 cho 02 người (người bệnh và người nuôi) là 500.000 đồng.

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần 06 tháng lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng x 06 tháng = 14.040.000 đồng.

Tổng các khoản trên là 46.807.474 đồng.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đình B về phần trách nhiệm dân sự;

Buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông Nguyễn Đình B, tổng các khoản thiệt hại nêu trên là **46.807.474 đồng.**

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp khắc phục trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa để đảm bảo thi hành án. Sửa bản án sơ thẩm về số biên lai và ngày nộp tiền của gia đình bị cáo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải bồi thường cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các khoản yêu cầu khác của ông B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đình B về phần trách nhiệm dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T về phần trách nhiệm dân sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Đối với nội dung kháng cáo, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nhơn H, bà Nguyễn Thị Bé T1 về tin báo tố giác tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã xử lý tin báo tố giác tội phạm và đã trả lời bằng văn bản cho các bà theo thẩm quyền quy định tại các Điều 144, 145 và 146 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với kháng cáo, yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 phải bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần cho chồng bà là ông Phạm S, thì bà L không có quyền kháng cáo, yêu cầu thay cho ông S. Trường hợp ông S có yêu cầu thì khởi kiện vụ án dân sự khác để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Ý kiến tranh luận của người bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ý kiến tranh luận của bị cáo T cho rằng, ông Nguyễn Đình B và các con của ông B có hành vi dùng hung khí đánh bị cáo trước nên bị cáo mới dùng cây xà beng chống trả; tuy nhiên bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo yêu cầu giám định lại thương tích của bị cáo nhưng không có căn cứ để giám định lại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 23 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng.

Do sửa phần trách nhiệm dân sự nên cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm như sau: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.590.000 đồng.

[9] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T về phần tội danh; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Đình B về tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T **02 (H2) năm tù** về tội "*Cố ý gây thương tích*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2022 đến ngày 12/7/2022.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Đình B về phần trách nhiệm dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T về phần trách nhiệm dân sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi về phần trách nhiệm dân sự.

2.1. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông Nguyễn Đình B số tiền **46.807.474 đồng** (*Bốn mươi sáu triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) do gia đình bị cáo Lê Văn T nộp khắc phục trước cho bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa theo Biên lai thu tiền số: 0001199 ngày 05/8/2022 và biên lai số: 0001193 ngày 08/7/2022 để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Đình B.

2.2. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải bồi thường cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2.3. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Không chấp nhận kháng cáo, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nhơn H, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Bé T1.

4. Về án phí:

4.1. Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng.

4.2. Xác định lại về phần án phí dân sự sơ thẩm như sau: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.590.000 đồng (*Một triệu, năm trăm chín mười nghìn đồng*).

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HS-NV, Công an tỉnh;
- VKSND, TAND huyện Tư Nghĩa;
- Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Quang Toại

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phan Ngọc Minh Nguyễn Văn N2	**Lê Quang T6**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND thị xã Đức Phổ;
- Công an thị xã Đức Phổ;
- THA dân sự thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé